

Bản án số: **433/2021/HSPT**
Ngày: 17 - 11 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Mai Xuân Thành**

Các thẩm phán: Ông **Trương Minh Tuấn**

Ông **Nguyễn Tấn Trường**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Văn Thị Mỹ Thảo**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Thế Vinh**, Kiểm sát viên.

Vào ngày 17 tháng 11 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 452/2021/TLPT-HS ngày 13 tháng 9 năm 2021 đối với bị cáo Nguyễn Văn H bị tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 48 /2021/HS-ST ngày 05 - 8 -2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Văn H. Sinh năm 1968 tại Khánh Hòa. Nơi cư trú: tỉnh Phú Yên. Nghề nghiệp: Làm nông. Trình độ học vấn: 8/12. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Giới tính: Nam. Q tịch: Việt Nam. Con ông Nguyễn T và bà Trần Thị N (đã chết). Gia đình có 05 anh chị em, bị cáo là con thứ năm. Có vợ là Nguyễn Thị L, đã ly hôn, có 02 con, lớn sinh năm 1987, nhỏ sinh năm 1989. Tiền án: Không. Tiền sự: Không.

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/4/2020 đến nay, hiện bị tạm giam tại Trại giam Công an tỉnh Gia Lai, có mặt tại phiên tòa

*** Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn H:** Ông Lê Đình Q - VPLS H, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Gia Lai. Có mặt

* Ngoài ra trong vụ án này còn có 04 bị cáo khác cùng bị xét xử về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” nhưng không có kháng cáo, kháng nghị, tòa phúc thẩm không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

a. Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Nguyễn Đức H, V Đức H, Nguyễn Thanh H, Nguyễn Văn H, Phạm Thị Mỹ H và Bùi Văn T có quan hệ quen biết với nhau, đều không có nghề nghiệp ổn định và hay rủ nhau đi đánh bạc.

Trong khoảng thời gian từ tháng 10 đến tháng 12/2019, do muốn có tiền tiêu xài và đánh bạc nên Nguyễn Đức H và đồng phạm đã thống nhất cùng nhau thực hiện hành vi lừa đảo bằng hình thức đi thuê xe ô tô tự lái để đem đi cầm cố lấy tiền tiêu xài cá nhân và sang Campuchia đánh bạc. Các bị can đã thực hiện tổng cộng 04 vụ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản tại các tỉnh Gia Lai, Phú Yên và Khánh Hòa gồm 04 xe ô tô với tổng giá trị tài sản là 2.014.790.000đ. Cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Vào ngày 10/10/2019, Bùi Văn T rủ Nguyễn Đức H đi đến thành phố T, tỉnh Phú Yên để thuê xe tự lái rồi đem đi cầm cố lấy tiền đánh bạc thì Nguyễn Đức H đồng ý. Ngày 11/10/2019 Bùi Văn T và Nguyễn Đức H đến gặp bà Nguyễn Thị Thu M (SN: 1974, trú tại tỉnh Phú Yên) tại địa chỉ: số nhà Tp.T, tỉnh Phú Yên rồi đưa ra thông tin gian dối là muốn thuê xe mục đích đi du lịch, buôn bán đồ mỹ nghệ trong thời gian 10 ngày, kể từ ngày 11/10/2019 đến ngày 21/10/2019 thì bà M tin là thật nên đồng ý. Sau khi thỏa thuận giá thuê xe với thời hạn như trên là 10.000.000đ thì Bùi Văn T và Nguyễn Đức H cùng ký tên làm hợp đồng thuê xe ô tô Innova biển kiểm soát 78A- 032.38; Bùi Văn T đưa bằng lái ô tô, hộ chiếu của Bùi Văn T để bà M kiểm tra, chụp hình và đặt cọc số tiền 5.000.000đ.

Sau khi nhận xe, ngày 12/10/2019, T và H điều khiển ô tô biển kiểm soát: 78A- 032.38 đến thành phố P, tỉnh Gia Lai và đến tiệm cầm đồ Thịnh Q do ông Nguyễn Ngọc Q làm chủ hộ kinh doanh để cầm cố xe ô tô này. Khi đó, ông Q xem giấy tờ thấy xe không chính chủ nên có hỏi Bùi Văn T là xe của ai thì T nói dối với ông Q là ô tô này T mua lại, có viết giấy bán tay nhưng bỏ quên giấy ở nhà và đưa Giấy phép lái xe, hộ chiếu mang tên Bùi Văn T, 01 giấy đăng ký xe ô tô BKS 78A-032.38 mang tên Nguyễn Văn X, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc (đều là bản gốc), cho ông Q xem, làm cho ông Q tin tưởng nhận cầm cố chiếc xe trên với số tiền 70.000.000đ, lãi suất 05%/tháng. Sau khi nhận tiền, Bùi Văn T chia cho Nguyễn Đức H số tiền 15.000.000đ. Sau đó, H sử dụng tiền tiêu xài cá nhân và tham gia đánh bạc còn Bùi Văn T bỏ đi đâu không rõ.

Ông Q khai: Sau khi T và H mang xe đến cầm cố lấy 70 triệu đồng thì sau đó T có nhờ người khác chuyển tiền trả cho ông Q 2 lần mỗi lần

20.000.000 đồng. Do thời gian đã lâu nên ông Q không nhớ ai là người trả tiền. Do vậy số tiền T và H chưa trả cho ông Q là 30.000.000 đồng

Đến ngày 21/10/2019, do hết thời gian thuê xe, T gọi điện thoại cho bà M nói do đi công việc xa muốn gia hạn thuê xe thêm 10 ngày thì bà M đồng ý nhưng phải trả tiền đợt thuê xe trước nên T đã chuyển khoản cho bà M số tiền 10.000.000đ. Khi đã hết thời hạn thuê xe, bà M gọi điện thoại cho T và H nhưng không liên lạc được. T qua hệ thống định vị được gắn trên ô tô biển kiểm soát 78A- 032.38, bà M đã phát hiện ô tô đang để tại nhà ông Nguyễn Ngọc Q nên làm đơn trình báo cho Công an Tp. T, tỉnh Phú Yên biết, tiến hành thu giữ.

* Tại Bản kết luận định giá tài sản ngày 18/02/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự của UBND Tp. T, tỉnh Phú Yên kết luận: *Xe ô tô TOYOTA, loại INNOVA G, 7 chỗ ngồi, màu sơn bạc, biển số: 78A-032.38, sản xuất năm 2007 (đã qua sử dụng từ tháng 09/2007 và xe đã lăn bánh trên đồng hồ là: 413.200 Km) tại thời điểm 11/02/2019 có giá là: 240.000.000đ*

* Tại Bản kết luận giám định số: 245/GĐ-PC09 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Phú Yên ngày 07/12/2020 kết luận: Chữ ký đề tên Bùi Văn T trên Hợp đồng thuê xe tự lái với bà Nguyễn Thị Thu M và trên Hợp đồng cầm cố với ông Nguyễn Ngọc Q so với các mẫu chữ để so sánh là do cùng một người viết ra.

Chữ viết ghi “Nguyễn Đức H” trên Hợp đồng cho thuê xe tự lái với bà Nguyễn Thị Thu M là chữ của Nguyễn Đức H

Chữ ký đề tên Nguyễn Đức H so với chữ ký của Nguyễn Đức H trên tài liệu mẫu so sánh không đồng dạng không ổn định, không đảm bảo yếu tố làm mẫu so sánh nên không tiến hành giám định

Vụ thứ hai: Vào ngày 16/11/2019, do đánh bạc thua hết tiền nên Bùi Văn T cùng với Nguyễn Đức H và Phạm Thị Mỹ H (H nhỏ) bàn bạc thống nhất thuê xe ô tô tự lái tại Tp.P rồi mang đi cầm cố lấy tiền để tiếp tục qua Campuchia đánh bạc.

Sau khi tìm được số điện thoại, địa chỉ thuê xe thì Nguyễn Đức H đã gọi điện thoại cho ông Nguyễn Văn C và đưa ra thông tin gian dối muốn thuê xe mục đích chở trái cây bán tại các tỉnh phía Nam thì ông C tin là thật nên đồng ý và hẹn gặp tại nhà ông C. Tại đây, sau khi thỏa thuận thống nhất việc thuê xe bán tải hiệu Mazda, biển số: 81C-150.72 thì Nguyễn Đức H đã trực tiếp ký hợp đồng thuê xe, thời hạn thuê là 01 tháng với giá tiền: 33.000.000đ và để lại một sổ hộ khẩu mang tên Nguyễn Đức H là chủ hộ (bản chính). Sau đó H nói anh Nguyễn Văn T (là con trai của ông Nguyễn Văn C) chở H đến quán cà phê K để thỏa thuận tiền đặt cọc. Khi đến quán cà phê thì Phạm Thị Mỹ H đã chờ ở đó từ trước vì Phạm Thị Mỹ H và đồng bọn đã thống nhất là để cho H trực tiếp nói chuyện với anh T về việc thuê xe vì H là nữ nên dễ tạo lòng tin với chủ xe. Do vậy, khi anh T hỏi thuê xe để làm gì thì H đã nói dối

thuê xe ô tô mục đích để buôn bán trái cây tại các tỉnh miền Tây và muốn thuê ô tô trong thời gian dài 01 tháng thì anh T đồng ý và yêu cầu đặt cọc. Lúc này H đã gọi điện báo cho Bùi Văn T biết về số tiền cần có để đặt cọc thì T đã chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng A của H. H đã rút tiền ra đưa cho anh T 11.000.000 đồng để đặt cọc thuê xe.

Sau khi nhận xe, Nguyễn Đức H điều khiển ô tô biển kiểm soát: 81C-150.72 chở Phạm Thị Mỹ H đi đến tỉnh Bình Phước để gặp Bùi Văn T như đã hẹn. Tại Bình Phước, Bùi Văn T mang ô tô này đi cầm cố còn Nguyễn Đức H và Phạm Thị Mỹ H thuê nhà trọ nghỉ đợi T. Sau khi cầm cố được ô tô, Bùi Văn T chia cho Nguyễn Đức H số tiền 40.000.000đ, đưa cho Phạm Thị Mỹ H số tiền 2.000.000đ. Sau khi nhận tiền, Nguyễn Đức H qua Campuchia đánh bạc, Phạm Thị Mỹ H đi về V còn T đi đâu không rõ. Theo H khai, do T và H có quan hệ tình cảm với nhau, nên T hứa hẹn cuối năm làm ăn được thì T sẽ cho H nhiều tiền hơn nên H đồng ý nhận 2.000.000 đồng.

Sau khi T cầm cố xe được khoảng 15 ngày thì anh T có gọi điện cho Phạm Thị Mỹ H yêu cầu mang xe 81C- 150.72 về để anh T kiểm tra thì H nói đang bận làm ăn khoảng 2-3 ngày nữa sẽ mang xe cho anh T kiểm tra. Tuy nhiên, sau đó H và H cắt đứt liên lạc với chủ xe. Đến nay, chưa xác định được Bùi Văn T cầm cố xe ô tô trên cho ai và hiện T đã bỏ trốn chưa bắt được nên chưa thu hồi được xe ô tô trên.

Tại kết luận định giá số:10/KL- HĐĐG ngày 10/02/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự T phố P kết luận: Xe ô tô biển số 81C-150.72, nhãn hiệu Mazda BT-50, số máy: P4AT2390362, số khung: 4Đ2JW691630 có giá trị còn lại đến ngày 16/11/2019 (là ngày bị chiếm đoạt) theo giá thị trường là: 525.000.000đ

Tại Kết luận giám định số 645/KLGĐ ngày 10/9/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai kết luận: chữ ký, chữ viết “Nguyễn Đức H” trên Hợp đồng thuê xe là chữ ký, chữ viết của bị can Nguyễn Đức H

Vụ thứ ba: Vào ngày 23/11/2019, do không có tiền đánh bạc nên Nguyễn Đức H, Nguyễn Văn H, V Đức H và Nguyễn Thanh H (H lớn) cùng nhau bàn bạc đi tìm kiếm nơi cho thuê xe tự lái tại thành phố P rồi mang đi cầm cố lấy tiền tiêu xài và đánh bạc thì tất cả đồng ý. Vì không có tiền để đặt cọc thuê xe nên V Đức H gọi điện thoại cho Bùi Văn T để mượn tiền và nhờ T tìm kiếm nơi thuê xe và cầm cố xe ô tô sau khi thuê được, T đồng ý và T gọi điện thoại nói Nguyễn Đức H cho V Đức H mượn tiền đặt cọc, khi nào cầm cố được xe có tiền sẽ trả lại thì Nguyễn Đức H đồng ý và đã đưa cho V Đức H và Nguyễn Văn H mượn 30.000.000đ để đặt cọc thuê xe. Sau đó Bùi Văn T nhắn tin địa chỉ, số điện thoại nơi cho thuê ô tô thì tất cả thống nhất để Nguyễn Thanh H gọi điện thoại gặp anh Đỗ Huy D đặt vấn đề thuê ô tô để kinh doanh hàng tổng hợp, mỹ phẩm vì H là nữ giới, dễ tạo lòng tin với chủ xe. Anh D hẹn đến số nhà 39 L, Tp. P, tỉnh Gia Lai để thỏa thuận thuê xe. Khoảng 14h00’ ngày 24/11/2019, Nguyễn Thanh H cùng Nguyễn Văn H, V Đức H, Nguyễn Đức H và đối tượng tên Phương (chưa xác định được nhân

thân lai lịch) đến gặp anh D để thỏa thuận giá cả thuê ô tô. Sau khi thỏa thuận xong thì H, H, V Đức H và Nguyễn Đức H nói đi về chuẩn bị tiền đặt cọc và lấy giấy tờ tùy thân. Do đã cho thuê hết xe ô tô nên anh D điện thoại cho anh Phan Văn Minh T giới thiệu có người thuê xe ô tô bán tải thì anh T đồng ý và nhờ anh Phan Q điều khiển ô tô bán tải, nhãn hiệu Ford Ranger, biển kiểm soát 81C-169.20 đến nhà anh D để cho thuê xe.

Đến khoảng 16h00 cùng ngày, Nguyễn Văn H và V Đức H điều khiển xe máy, nhãn hiệu Wave, biển kiểm soát 77D1- 548.12 đến gặp anh T thỏa thuận thống nhất thuê xe ô tô bán tải, nhãn hiệu Ford Ranger, biển kiểm soát 81C-169.20, thời hạn 01 tháng, giá thuê: 900.000 đ/ngày và đưa cho anh T số tiền: 18.000.000đ để đặt cọc, 01 giấy phép lái xe (phô tô) mang tên V Đức H, 01 sổ hộ khẩu (bản chính) mang tên Nguyễn Văn H và V Đức H để lại chiếc xe gắn máy biển kiểm soát: 77D1- 548.12 nhờ anh T giữ gìn.

Sau đó, V Đức H điều khiển ô tô bán tải biển kiểm soát 81C- 169.20 vừa thuê được chở Nguyễn Văn H, Nguyễn Thanh H và Nguyễn Đức H đi về huyện Chơn T, tỉnh Bình Phước để gặp T và nhờ T mang đi cầm cố xe. Sau khi T cầm cố được ô tô bán tải biển kiểm soát 81C- 169.20, T đã đưa cho Nguyễn Thanh H và V Đức H số tiền 45.000.000đ, Nguyễn Văn H số tiền 45.000.000đ. Thấy T không chia tiền cho mình thì Nguyễn Đức H có hỏi T sao không trả số tiền mà trước đó Nguyễn Đức H đã đưa cho V Đức H và H mượn đặt cọc thuê ô tô 81C-169.20 thì T nói để cuối năm sẽ đưa luôn một lần. Quá trình điều tra xác minh đến nay, chưa xác định được Bùi Văn T cầm cố ô tô trên cho ai vì hiện T đã bỏ trốn.

Sau khi nhận tiền, Nguyễn Đức H cùng Nguyễn Văn H, V Đức H và Nguyễn Thanh H cắt đứt liên lạc với chủ xe rồi qua cửa khẩu Mộc Bài, Tây Ninh để đánh bạc.

Đối với xe mô tô biển kiểm soát: 77D1- 548.12 mà V Đức H gửi lại nhà bị hại T, qua điều tra xác định xe này V Đức H vay số tiền 18.000.000 đồng của Công ty tài chính TNHH HD S để mua và hợp đồng thỏa thuận là H phải có trách nhiệm trả góp cho đến khi xong nợ thì mới được Công ty này trả lại Giấy tờ xe; H mới trả góp được 1 kỳ với số tiền 1.821.000 đồng.

* Tại Kết luận định giá tài sản số: 1088/HĐĐG-KL của Hội đồng định giá trong Tổ tụng hình sự tỉnh Gia Lai kết luận: *Xe ô tô bán tải nhãn hiệu Ford Ranger, màu sơn trắng, biển kiểm soát 81C - 169.20, Sản xuất năm 2019 số máy: P4AT2803431, số khung: MNCLMFF80KW997036, vào thời điểm tháng 11/2019 có trị giá là: 615.000.000đ*

* Tại Bản kết luận giám định số: 341/KLGD của Phòng KTHS Công an Gia Lai ngày 16/4/2020 kết luận: Chữ ký, chữ viết họ tên “ H- V Đức H” trên 02 Hợp đồng cho thuê xe là chữ ký, chữ viết của V Đức H

* Tại Bản kết luận giám định số: 421/KLGD của Phòng KTHS Công an Gia Lai ngày 19/5/2020 kết luận: Chữ ký (dạng chữ viết) “H”, chữ viết họ tên

“nguyễn Văn H” trên 02 Hợp đồng cho thuê xe là chữ ký, chữ viết của Nguyễn Văn H)

Vụ thứ tư: Ngày 11/12/2019, Nguyễn Thanh H, V Đức H tham gia đánh bạc tại sòng bạc Campuchia bị thua hết tiền và đã vay mượn tiền bên sòng bạc nhưng không trả được nên Nguyễn Thanh H bị một số đối tượng ở sòng bạc giữ lại. Để có tiền chuộc Nguyễn Thanh H về, V Đức H đã liên lạc và rủ Nguyễn Đức H và Phạm Thị Mỹ H đi thành phố N, tỉnh Khánh Hòa để thuê xe mang đi cầm cố lấy tiền thì tất cả đồng ý. Tại thành phố N- Khánh Hòa, V Đức H tìm được nơi thuê xe và đi đến làm hợp đồng thuê xe ô tô nhãn hiệu Toyota, loại Rush, biển kiểm soát 79A-260.74 với ông Nguyễn Minh T tại công ty “TNHH TH N City car” thuộc thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Sau khi thỏa thuận, V Đức H và anh T đã ký hợp đồng thuê ô tô biển kiểm soát 79A-260.74, thời hạn thuê 01 tháng, giá thuê ô tô là 650.000đ/ ngày và V Đức H để lại một giấy CMND (bản chính), một giấy phép lái xe hạng B2 (bản photo) đều mang tên V Đức H để anh T tin tưởng cho thuê xe. Sau đó, anh T yêu cầu V Đức H đặt cọc 10.000.000đ thì V Đức H đã gọi điện cho Bùi Văn T mượn tiền, T đồng ý. Do T và Phạm Thị Mỹ H có quan hệ tình cảm nên T đã gọi điện thoại cho Phạm Thị Mỹ H nói sẽ chuyển tiền cho H qua tài khoản A rồi H rút số tiền 10.000.000 đồng đưa cho V Đức H để đặt cọc.

Sau khi nhận xe, V Đức H, Nguyễn Đức H và Phạm Thị Mỹ H ở lại thành phố N đợi Bùi Văn T đến để cùng đi huyện T, tỉnh Đồng Nai tiêu thụ chiếc xe ô tô biển kiểm soát 79A-260.74. Ngày 23/12/2019, Bùi Văn T liên lạc được với anh Lê Công V để bán xe. Khi đó, Bùi Văn T và V Đức H nói với anh V chiếc ô tô biển kiểm soát 79A-260.74 là do V Đức H mua của anh Trần Hoài N nhưng chưa làm thủ tục sang tên để anh V tin là thật và đồng ý mua ô tô với giá 400.000.000đ. Anh Lê Công V cùng Bùi Văn T và V Đức H thỏa thuận sẽ đưa trước số tiền 100.000.000đ, đến khi làm thủ tục sang tên ô tô, Bùi Văn T đưa giấy tờ đầy đủ thì anh V sẽ trả đủ số tiền còn lại.

Sau khi nhận tiền, Bùi Văn T có đưa cho V Đức H số tiền: 50.000.000đ đưa cho Nguyễn Đức H 1.000.000đ, còn Phạm Thị Mỹ H do đã đi về V từ trước nên Bùi Văn T gọi điện thoại hứa hẹn cuối năm sẽ chia tiền cho H sau.

Khi hết thời hạn thuê xe thì tất cả cắt đứt liên lạc với chủ xe. Đến ngày 28/12/2019, vì không liên lạc được với V Đức H nên anh T kiểm tra định vị xe và phát hiện ô tô 79A- 260.74 đang di chuyển tại khu vực huyện T, Đồng Nai nên đã đuổi theo thu giữ xe ô tô trên và trình báo Công an huyện T, tỉnh Đồng Nai biết để thu giữ.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 171/HĐĐG-KI ngày 15/01/2020 của Hội đồng định giá trong Tổ tụng hình sự tỉnh Khánh Hòa kết luận: Xe ô tô nhãn hiệu Toyota, loại Rush, màu đỏ sẫm, biển kiểm soát 79A-260.74, số máy: 2NRF866904, số khung: FF3VKK003505, thời điểm tháng 12/2009 chất lượng còn lại là 95%, có trị giá: 634.790.000đ

Tại Cơ quan điều tra, các bị can đều thành khẩn khai báo, thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

Với nội dung nêu trên tại bản án hình sự sơ thẩm số: 48/2021/HS-ST ngày 05/8/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai đã quyết định:

1. Về tội danh và hình phạt:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức H, V Đức H, Phạm Thị Mỹ H, Nguyễn Văn H, Nguyễn Thanh H phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; Điều 38; Điều 58, điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 12 (mười hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28/4/2020

Bản án còn quyết định hình phạt đối với các bị cáo: V Đức H, Nguyễn Đức H, Phạm Thị Mỹ H, Nguyễn Thanh H về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Quyết định về xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự và quyền kháng cáo của các bị cáo.

Trong hạn luật định bị cáo Nguyễn Văn H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Nguyễn Văn H, vẫn giữ nguyên nội dung đơn xin kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị hội đồng xét xử không chấp nhận đơn xin kháng cáo của các bị cáo.

Luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị, Hội đồng xét xử xem xét giảm một phần hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời khai nhận của bị cáo, và kết quả tranh luận tại phiên tòa. Trên cơ sở xem xét đánh giá khách quan toàn diện và đầy đủ chứng cứ. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các bị cáo Nguyễn Đức H, V Đức H, Nguyễn Thanh H, Nguyễn Văn H, Phạm Thị Mỹ H không có nghề nghiệp ổn định, thường xuyên tham gia đánh bạc nên có mối quan hệ quen biết với nhau. Vì muốn có tiền đánh bạc và tiêu xài cá nhân, các bị cáo này đã nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản bằng cách dùng thủ đoạn gian dối là sử dụng giấy tờ cá nhân, làm hợp đồng thuê xe với thời hạn dài, nói dối với chủ xe rằng cần thuê xe để đi làm ăn buôn bán đồ mỹ nghệ, mỹ phẩm, trái cây và đi du lịch, đưa bị cáo là nữ đến thuê xe để làm cho chủ xe tin tưởng cho thuê xe, sau khi thuê được xe thì cắt đứt liên lạc với chủ xe, mang xe đi cầm cố hoặc bán xe lấy tiền chia nhau để đánh bạc và tiêu xài. Trong khoảng thời gian từ tháng 10/2019 đến tháng 12/2019 các bị cáo đã thực hiện 04 vụ lừa đảo, thuê 04 xe ô tô chiếm đoạt với tổng số tiền là 2.014.790.000 đồng. Trong đó, bị cáo Nguyễn Đức H thực hiện 4 vụ, chiếm đoạt 2.014.790.000 đồng; bị cáo Nguyễn Văn H thực hiện 1 vụ, chiếm đoạt 615.000.000 đồng.

Với hành vi nêu trên của các bị cáo; Bản án sơ thẩm đã xét xử các bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” với tình tiết định khung “chiếm đoạt tài sản trị giá từ 500.000.000 đồng trở lên” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo; Hội đồng xét xử xét thấy: Hành vi phạm tội của các bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng. Chỉ vì để thỏa mãn nhu cầu ăn chơi, hưởng thụ cá nhân mà các bị cáo bất chấp pháp luật chiếm đoạt tài sản có giá trị lớn, làm ảnh hưởng xấu đến đời sống, công việc kinh doanh của các bị hại và gây mất trật tự xã hội.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo hỗ trợ lẫn nhau để cùng thực hiện tội phạm, trong đó vai trò của từng bị cáo được phân hóa, cụ thể như sau:

Bị cáo Nguyễn Đức H là người trực tiếp nhiều lần ký hợp đồng thuê xe, cho mượn tiền đặt cọc thuê xe, điều khiển xe đi cầm cố và cũng là người liên hệ với Bùi Văn T để T mang xe đi cầm cố, bị cáo tham gia lừa đảo nhiều nhất với 04 vụ, chiếm đoạt số tiền 2.041.790.000 đồng và hưởng lợi với số tiền 56.000.000 đồng.

Bị cáo Nguyễn Văn H cùng bị cáo V Đức H trực tiếp ký hợp đồng thuê xe, tham gia 01 vụ lừa đảo, chiếm đoạt số tiền 615.000.000 đồng và hưởng lợi số tiền 45.000.000 đồng.

Bản án sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất mức độ hành vi phạm tội, phân hóa vai trò của từng bị cáo, đồng thời áp dụng đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo được hưởng để áp dụng xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 12 năm tù theo điểm a khoản 4 Điều 174 BLHS là có căn cứ đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm không có tình tiết giảm nhẹ nào mới cho bị cáo được hưởng, do vậy đơn kháng cáo của bị cáo không có căn cứ được chấp nhận.

Án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn H. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số: 48/2021/HS-ST ngày 05/8/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

1. Về tội danh và hình phạt:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” .

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; Điều 38; Điều 58, điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 12 (mười hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28/4/2020.

2. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Văn H phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, và không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan CSĐT-Công an tỉnh Gia Lai;
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan CSTHAHS-CA tỉnh Gia Lai;
- Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai;
- Cục THADS tỉnh Gia Lai;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Gia Lai;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Mai Xuân Thành